

Bản án số: 23/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 09/5/2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Phương Lan Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Huy Liên**

Bà **Nguyễn Thị Lý**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Như Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1525/2018/HNGĐ-ST ngày 03/12/2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T** – sinh ngày 01/01/1959

Địa chỉ: 34 đường A, phường, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

Bị đơn: Ông **Vũ Đức V** – sinh năm 1956

Địa chỉ: 34 đường A, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Đức V tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố N, tỉnh N năm 1981. Thời gian kết hôn đã quá lâu nên bà và ông V đã thất lạc giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và địa phương nơi ông bà đăng ký kết hôn cũng không còn lưu giữ hồ sơ. Từ năm 1993, bà và ông V ly hương vào NT sinh sống và lập nghiệp, thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, tuy nhiên cuộc sống của vợ chồng bà ngày càng xuất hiện nhiều mâu thuẫn trầm trọng, ông V không chăm lo cho hạnh phúc gia đình mà có mối quan hệ với người phụ nữ khác mặc dù đã được con cái, gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng cuộc sống của bà và ông V không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy bà T yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Đức V.

Về con chung: Bà T và ông V có 02 con chung là Vũ Thị T, sinh năm 1983 và Vũ Đức C, sinh năm 1985. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ngày 30/12/2018, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Đức V trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 1981 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố N, tỉnh N. Tuy nhiên hiện nay ông và bà T đã để thất lạc giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Năm 1993, ông V vào NT sinh sống, đến năm 1997 ông V đưa vợ con từ quê N vào làm ăn định cư tại thành phố NT. Trong quá trình chung sống với bà T, ông đã buôn bán làm ăn nuôi vợ con bằng nhiều nghề khác nhau. Từ năm 2013 đến nay theo yêu cầu của vợ con nên ông đã nghỉ việc về nhà phụ giúp bà T, chăm sóc cháu. Trong cuộc sống vợ chồng ông có những mâu thuẫn phát sinh từ lâu, nguyên nhân từ những mối quan hệ xã hội nên bà T nói với con gái và con rể không cần tôi đem hàng, nấu ăn và giữ cháu nữa, tôi cảm thấy cô đơn vì con cái ruồng bỏ theo mẹ, tôi chỉ một mình thân cô thế cô, không biết chia sẻ với ai nên từ 08/8/2018 đến nay tôi xin vào làm bảo vệ và kể từ đầu tháng 8 năm 2018 đến nay tôi và bà T đã sống ly thân. Việc bà T nộp đơn xin ly hôn với tôi là hoàn toàn sai thực tế, không đúng sự thực. Nguyên nhân dẫn đến những mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trong cuộc sống xuất phát từ những mối quan hệ xã hội của cả tôi và bà T. Trong thâm tâm tôi vẫn luôn suy nghĩ cuộc sống hôn nhân gia đình đang sống bình yên và hạnh phúc, để làm gương cho con cháu nên bà T yêu cầu xin ly hôn thì tôi không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Vũ Thị T, sinh năm 1983 và Vũ Đức C, sinh năm 1985. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

**** Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T; Các con chung đã thành niên nên không giải quyết; Đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng quan hệ pháp luật và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Đức V đều thừa nhận việc ông bà tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 1981 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố N, tỉnh N. Tuy nhiên, do quá trình kết hôn đã lâu nên ông V và bà T đều đã để thất lạc giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tại Giấy xác nhận ngày 10/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã N, thành phố N, tỉnh N có nội dung bà Nguyễn Thị T sinh năm 1959, số CMND 225460836 và ông Vũ Đức V sinh năm 1956, số CMND 225358317 có mối quan hệ vợ chồng đúng với luật hôn nhân gia đình từ năm 1981 đến năm 1993, từ năm 1993 đến nay do gia đình ông Vũ Đức V và bà Nguyễn Thị T chuyển vào NT sinh sống nên không thuộc quản lý của địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị T thì giữa bà và ông V trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông V cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng ông bà có nhiều mâu thuẫn, xuất phát từ những mối quan hệ xã hội của cả ông và bà T, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, mạnh ai nấy sống. Ông V và bà T đã sống ly thân từ tháng 08 năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để hai bên được đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng dành nhiều thời gian để thuyết phục, hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng bà T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ, chính đáng nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Đức V có 02 con chung là Vũ Thị T, sinh năm 1983 và Vũ Đức C, sinh năm 1985. Các con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2015;
- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Vũ Đức V

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Đức V có 02 con chung là Vũ Thị T, sinh năm 1983 và Vũ Đức C, sinh năm 1985. Các con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0010299 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. NT;
- THADS Tp. NT;
- UBND xã N, Tp. N, tỉnh N.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Phương Lan Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA